

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
PHƯƠNG HOÀNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỢNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Danh Biền Chủ tịch

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Danh Biền Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Danh Biễn

Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

Số: 31032022.03/BCKT/BA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
5446-2021-328-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN BÌNH AN

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2022

Trần Quang Tuyền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5296-2021-328-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.157.978.206.473	891.295.512.582
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	147.778.464.997	29.880.441.269
1. Tiền	111		147.778.464.997	29.880.441.269
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		758.195.913.484	489.556.890.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	475.466.889.054	413.992.450.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	84.640.833.220	71.806.143.812
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	198.088.191.210	3.758.296.595
IV/ Hàng tồn kho	140		147.544.250.893	340.657.713.124
1. Hàng tồn kho	141	V.5	147.544.250.893	340.657.713.124
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		104.459.577.099	31.200.467.544
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	14.406.180.450	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		89.822.195.561	29.180.357.099
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11	231.201.088	2.020.110.445
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		398.483.104.915	241.061.439.667
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		139.898.494.162	116.831.424.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	139.898.494.162	116.831.424.405
- Nguyên giá	222		315.136.197.167	252.790.590.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.237.703.005)	(135.959.166.034)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		258.584.610.753	110.092.497.389
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	241	V.8	258.584.610.753	110.092.497.389
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		-	14.137.517.873
1. Tài sản dài hạn khác	268		-	14.137.517.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.556.461.311.388	1.132.356.952.249

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1.398.165.727.017	1.055.025.066.212
I/ Nợ ngắn hạn	310		1.148.781.336.859	731.679.101.253
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	169.434.795.947	91.453.711.721
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	246.740.252.771	173.058.186.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	74.885.138.316	1.482.143.550
4. Phải trả người lao động	314		2.312.743.239	2.380.662.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		308.973.983.598	463.304.397.157
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	346.434.422.988	
II/ Nợ dài hạn	330		249.384.390.158	323.345.964.959
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		249.384.390.158	323.345.964.959
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.295.584.371	77.331.886.037
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.13	158.295.584.371	77.331.886.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		136.888.000.000	56.888.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.888.000.000	56.888.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		353.500.000	353.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.857.000.000	11.857.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.197.084.371	8.233.386.037
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.233.386.037	8.233.386.037
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		963.698.334	
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.556.461.311.388	1.132.356.952.249

Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

Bùi Thanh An
Kế toán trưởng

Bùi Danh Biễn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	763.458.130.112	743.184.650.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		763.458.130.112	743.184.650.048
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	734.135.841.160	699.483.342.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.322.288.952	43.701.307.414
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.416.518	14.381.014
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.429.931.206	16.478.098.051
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.429.931.206	16.478.098.051
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	1.277.886.447	10.294.607.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	10.989.203.451	13.414.798.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.637.684.366	3.528.184.710
11. Thu nhập khác	31	VI.6	447.481.187	182.040
12. Chi phí khác	32	VI.7	81.255.399	1.916.628.753
13. Lợi nhuận khác	40		366.225.788	(1.916.446.713)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.003.910.154	1.611.737.997
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.040.211.820	705.673.350
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		963.698.334	906.064.647



Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2022



Bùi Thanh An
Kế toán trưởng



Bùi Danh Biễn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	875.297.867.552	774.129.134.685
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(701.568.496.584)	(1.128.676.555.222)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.351.624.000)	(58.757.281.684)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.429.931.206)	(16.481.591.202)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(1.288.995.350)	(163.169.867)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	74.891.775.142	530.771.959.205
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(204.744.390.372)	(45.886.300.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.193.794.818)	54.936.195.890
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(744.520.000)	(28.061.230.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(744.520.000)	(28.061.230.905)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	286.511.490.000	316.168.371.599
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(280.103.032.071)	(327.603.255.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.408.457.929	(11.434.883.938)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.470.143.111	15.440.081.047
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.880.441.269	24.405.772.693
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.350.584.380	39.845.853.740


Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2022


Bùi Thanh An
Kế toán trưởng


Bùi Danh Biễn
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phương Hoàng (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800342517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 10 năm 2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 04 ngày 26 tháng 10 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty 136.888.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu đồng) tương ứng 1.368.880 cổ phần.

Trụ sở Công ty tại Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Chuẩn bị mặt bằng
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn máy móc, thiết bị sản xuất bê tông
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Bán buôn bê tông thương phẩm, gạch, ống, cống bê tông các loại
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và dân cư; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; ...
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Bốc xếp hàng hóa
Chi tiết: Dịch vụ xếp, dỡ hàng hóa tại các địa điểm như kho hàng, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe tải, xe container, xe rơ moóc, xe đầu kéo
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
Chi tiết: - Thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định pháp luật - Khai thác, quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại....
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Xây dựng nhà để ở
- Cho thuê xe có động cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Xây dựng nhà không để ở
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình điện
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Chi tiết: *Tư vấn, môi giới bất động sản*
- Xây dựng công trình công ích khác
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời, đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...

- Hoạt động tư vấn quản lý

Chi tiết: Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tư vấn lập hồ sơ thống kê, kiểm kê đất đai; lập hồ sơ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; dịch vụ về thông tin đất đai; lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, ...

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa

Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán xăng, dầu, mỡ, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

Chi tiết: Sản xuất ống, cống bê tông, gạch bê tông, gạch block, gạch siêu nhẹ, các loại cấu kiện bê tông, bê tông tươi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trong năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh liên kết hoặc đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Thiết bị và phương tiện vận tải	06 - 15
Dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai trong Công ty. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền bảo hiểm, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng các tài sản và các khoản giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.309.683.847	29.880.441.269
Cộng	44.309.683.847	29.880.441.269

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đại An	14.727.416.671	-	8.354.214.170	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đông Sơn	25.025.728.378	-	4.284.079.180	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hà Nam	5.129.324.639	-	1.404.774.514	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Sao Mai	4.317.763.117	-	2.442.493.612	-
Công ty TNHH Toàn Gia	3.587.716.264	-	772.542.805	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Nam Sơn	3.425.582.500	-	3.461.338.000	-
Công ty Cổ phần Andes E&C Việt Nam	3.106.570.590	-	881.775.890	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Xây dựng Long Việt	2.345.820.286	-	7.230.945.186	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Hải Hà	2.119.671.183	-	2.419.671.183	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Kiên Thành	2.003.760.000	-	823.020.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Đại Dương HD	1.688.360.000	-	1.218.232.000	-
Công ty Cổ phần Cầu 14-CIENCO2	938.020.000	-	1.338.020.000	-
Công ty Cổ phần Cầu 12-CIENCO1	728.075.548	-	2.728.075.548	-
Các đối tượng khác	406.323.079.878	-	376.633.268.150	-
Cộng	475.466.889.054	-	413.992.450.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tân Bình	19.964.566.581	-	19.999.200.835	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Thiên Long	3.881.200.000	-	3.881.200.000	-
Công ty TNHH TMDV SNC Việt Nam	3.529.015.740	-	3.529.015.740	-
Công ty TNHH Duy Anh Hưng Yên	3.518.358.999	-	2.423.576.999	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Giang Sơn	2.380.596.124	-	2.380.596.124	-
Điện lực Gia Lộc	2.370.578.097	-	1.591.722.135	-
Công ty Cp Thương mại Văn Viện	1.785.954.195	-	1.785.954.195	-
Công ty TNHH Đức Tùng HD	1.550.000.000	-	1.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Tâm Anh Linh	1.374.824.818	-	1.374.824.818	-
Công ty TNHH thương mại Nam Giang	1.060.000.000	-	1.060.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong	469.383.900	-	1.446.379.600	-
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex	-	-	1.043.090.850	-
Công ty CP Công nghiệp DMF Vina	-	-	1.470.000.000	-
Các đối tượng khác	42.756.354.766	-	28.270.582.516	-
Cộng	84.640.833.220	-	71.806.143.812	-

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cước	11.602.135.450	-	2.619.334.619	-
Phải thu khác	186.486.055.760	-	1.138.961.976	-
TK 1388	186.486.055.760	-	1.138.961.976	-
Cộng	198.088.191.210	-	3.758.296.595	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.897.172.902	-	14.184.539.856	-
Công cụ, dụng cụ	7.261.878.194	-	6.852.490.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.266.147	-	82.640.254.755	-
Thành phẩm	82.803.234.248	-	66.818.971.753	-
Hàng hoá	6.544.699.402	-	170.161.456.360	-
Cộng	147.544.250.893	-	340.657.713.124	-

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.558.320.938	-
Chi phí bảo hiểm vật chất xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự	1.450.683.018	-
Thuê hạ tầng KCN Hà Khánh - TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	5.397.176.494	-
Cộng	14.406.180.450	-

ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
 ở nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	2.622.084.267	70.466.414.235	170.935.622.559	681.768.812	8.084.700.566	252.790.590.439
Mua trong năm	57.000.000	13.002.116.910	46.749.378.818	1.800.000.000	737.111.000	62.345.606.728
Số dư tại 31/12/2021	2.679.084.267	83.468.531.145	217.685.001.377	2.481.768.812	8.821.811.566	315.136.197.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2021	1.986.197.138	35.636.653.940	94.002.946.967	916.958.687	3.416.409.302	135.959.166.034
Khấu hao trong năm	856.421.563	9.718.909.920	26.396.543.945	561.450.120	1.745.211.423	39.278.536.971
Số dư tại 31/12/2021	2.842.618.701	45.355.563.860	120.399.490.912	1.478.408.807	5.161.620.725	175.237.703.005
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	635.887.129	34.829.760.295	76.932.675.592	(235.189.875)	4.668.291.264	116.831.424.405
Số dư tại 31/12/2021	(163.534.434)	38.112.967.285	97.285.510.465	1.003.360.005	3.660.190.841	139.898.494.162

TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Xây dựng cơ bản	290.929.398.608	225.669.257.786
Chi phí xây dựng "Nhà máy sản xuất Vật liệu xây dựng" tại xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	290.929.398.608	225.669.257.786
Cộng	290.929.398.608	225.669.257.786

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại vận tải Giang Sơn	36.890.713.432	36.890.713.432	36.890.713.432	36.890.713.432
Công ty CP Xây dựng và Vận tải thương mại Hoàng Long PH	6.680.500.000	6.680.500.000	6.680.500.000	6.680.500.000
Công ty TNHH Xăng dầu và Hoá chất Thành Đạt	5.335.732.308	5.335.732.308	5.352.402.863	5.352.402.863
Công ty TNHH MTV Thương mại Đức Phát - CN Hà Nam	9.590.700.050	9.590.700.050	5.123.109.150	5.123.109.150
Công ty Cổ phần Vật tư Hải Dương	4.521.900.753	4.521.900.753	3.829.385.250	3.829.385.250
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Ngọc Kim Ngân	2.236.541.639	2.236.541.639	3.548.084.200	3.548.084.200
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tuấn	2.141.821.348	2.141.821.348	2.609.294.805	2.609.294.805
Công ty TNHH Lốp ô tô Duy Anh	2.309.849.000	2.309.849.000	1.824.808.000	1.824.808.000
Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.758.548.941	1.758.548.941	1.798.125.440	1.798.125.440
Công ty Cổ phần Sơn Thành	1.192.039.603	1.192.039.603	1.717.691.006	1.717.691.006
Các đối tượng khác	96.776.448.873	96.776.448.873	22.079.597.575	22.079.597.575
Cộng	169.434.795.947	169.434.795.947	91.453.711.721	91.453.711.721

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Sở giao thông tỉnh Bắc Ninh	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại G&T	10.963.958.778	10.963.958.778	9.418.220.298	9.418.220.298
Ban Giao thông Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	9.800.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
Ủy ban nhân dân xã Hồng Hưng	4.741.846.000	4.741.846.000	7.684.054.000	7.684.054.000
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Xây dựng và Thương mại Hoàng Gia Phát	3.968.231.366	3.968.231.366	5.468.231.366	5.468.231.366
Công ty Cổ phần Phát triển Đại Dương tại Hải Dương	5.164.629.092	5.164.629.092	5.164.629.092	5.164.629.092
Công ty TNHH sản xuất và thương mại thiết bị y tế Minh Tâm	4.921.009.016	4.921.009.016	2.921.009.016	2.921.009.016
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản Thành phố Hải Dương	2.017.299.100	2.017.299.100	4.400.838.100	4.400.838.100
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Thiên Long	3.860.834.000	3.860.834.000	3.794.200.000	3.794.200.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mộc Đức	2.238.923.500	2.238.923.500	2.238.923.500	2.238.923.500
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18.3	1.167.144.125	1.167.144.125	1.473.264.625	1.473.264.625
Công ty CP giao thông, môi trường và đô thị Chí Linh	1.500.000.000	1.500.000.000	1.429.459.600	1.429.459.600
Công ty CP ô tô Việt Đông	1.138.600.000	1.138.600.000	1.138.600.000	1.138.600.000
Công ty TNHH thương mại Thạch Dương	-	-	1.074.333.000	1.074.333.000
Các đối tượng khác	177.257.777.794	177.257.777.794	99.052.424.228	99.052.424.228
Cộng	246.740.252.771	246.740.252.771	173.058.186.825	173.058.186.825

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
 số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

I. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.849.010.661	-	74.317.695.043	74.317.695.045	2.849.010.663	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.507.189.235	163.169.867	571.309.936	-	1.099.049.166
Thuế thu nhập cá nhân	9.398.542	-	-	-	9.398.542	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	143.324.000	143.324.000	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	36.498.646	-	-	-	36.498.646	-
Các loại thuế khác	15.000.000	-	3.000.000	3.000.000	15.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	326.993.716	326.993.716	-	-
Cộng	2.909.907.849	1.507.189.235	74.954.182.626	75.362.322.697	2.909.907.851	1.099.049.166

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
 số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay của Ngân hàng (i)	234.810.085.988	234.810.085.988	250.591.490.100	272.615.869.071	256.834.464.959	256.834.464.959
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Dương	91.676.994.629	91.676.994.629	115.746.490.100	118.994.247.688	94.924.752.217	94.924.752.217
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	29.298.625.941	29.298.625.941	43.555.000.000	47.173.696.383	32.917.322.324	32.917.322.324
Ngân hàng NN và Phát triển nông thôn-CN	15.890.000.000	15.890.000.000	50.050.000.000	43.050.000.000	15.890.000.000	15.890.000.000
Thành phố Hải Dương						
Ngân hàng NN và Phát triển nông thôn-CN	37.110.000.000	37.110.000.000	-	-	37.110.000.000	37.110.000.000
Tỉnh Hải Dương						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	17.851.178.380	17.851.178.380	41.240.000.000	63.397.925.000	40.009.103.380	40.009.103.380
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	28.496.124.038	28.496.124.038	-	7.487.163.000	35.983.287.038	35.983.287.038
Vay của đối tượng khác (ii)	375.495.890.158	375.495.890.158	308.984.390.158	-	66.511.500.000	66.511.500.000
Cộng	595.818.813.146	595.818.813.146	559.575.880.258	280.103.032.071	323.345.964.959	323.345.964.959

(i) Hợp đồng vay với các bên Ngân hàng:

- Hợp đồng vay số 58859.19.270.1170966.TD (Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Dương) ngày 30 tháng 12 năm 2019

+ Hạn mức tín dụng, lãi suất và thời hạn vay quy định trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất Khoản tín dụng trong hạn.

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ lĩnh vực hoạt động thương mại vật liệu xây dựng (không bảo gồm gang, sắt, thép, inox, xi măng), sản xuất bê tông và thi công xây lắp công trình của Khách hàng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 31.12/CNHD9/2019-HĐCVHM/NHCT340-PHƯƠNG HOANG (bên cho vay: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Hải Dương ngày 14 tháng 01 năm 2020

+ Hạn mức tín dụng không quá 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn), lãi suất cho vay quy định trên Giấy nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 14 tháng 01 năm 2020 đến ngày 14 tháng 01 năm 2021.

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công san lấp công trình và vận tải vật liệu xây dựng.

+ Tài sản đảm bảo:

1, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.11/CNHD9/2016/HĐTC/PHƯƠNG HOANG – BIENTHAI ngày 02 tháng 11 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo ký giữa bên Cho vay- Bên nhận thế chấp và Ông Bùi Danh Biễn cùng vợ là bà Bùi Thị Thái. Giá trị tài sản đảm bảo là 31.100.000.000 đồng, đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa là 21.700.000.000 đồng.

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHUƠNG HOÀNG

ở nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- 2, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.10/CNHD9/2016/HĐTC/PHUONGHOANG/34C-189.29 ngày 03 tháng 10 năm 2017 ký giữa Bên cho vay-Bên nhận thế chấp và Bên vay-Bên thế chấp. Giá trị tài sản đảm bảo là 450.000.000 đồng, đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa là 315.000.000 đồng.
- 3, Hợp đồng thế chấp tài sản số 16.08/CNHD9/2017/HĐTC/PHUONGHOANG/OTO ngày 18 tháng 08 năm 2017, giá trị tài sản đảm bảo là 400.000.000 đồng, đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa là 280.000.000 đồng.

Hợp đồng vay số 2301-LAV-2021 (Bên cho vay: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-CN Thành phố Hải Dương) ngày 13 tháng 07 năm 2021

+) Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng (Bảng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng)

+) Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng

+) Tài sản đảm bảo:

- 1, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190918/HĐTC ngày 19 tháng 09 năm 2019

- 2, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 1330037-02 ngày 03 tháng 10 năm 2013

- 3, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1630058-01 ngày 29 tháng 08 năm 2016

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 123/2020/HĐHM-PN/SHB.114000 (Bên cho vay: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn-Hà Nội-CN Hải Dương ngày 24 tháng 12 năm 2020

+) Hạn mức tín dụng 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ đồng), thời hạn vay, lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ

+) Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; và mục đích bảo lãnh Phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh tho đăng ký kinh doanh

+) Tài sản đảm bảo:

- 1, Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ Khu Tây, P. Tứ Minh, TP. Hải Dương số CL 188760 ngày 24 tháng 11 năm 2017

- 2, Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Khu đô thị phía Tây, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương số C1 140666 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

- 3, Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: số 37 P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương số AD 925128 ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Hợp đồng tín dụng số 660.719/2017/HĐTN-DN/PGBankHD (Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex-CN Hải Dương) ngày 20 tháng 11 năm 2017

+) Số tiền cho vay 4.795.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng), Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm

+) Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định

+) Tài sản đảm bảo:

- 1, Xe bơm bê tông nhãn hiệu HYUNDAI HD 260 biển số 34C-194.76 hình thành từ vốn vay

- 2, Máy xúc lật bánh lốp hình thành từ vốn vay

(ii) Hợp đồng vay mượn tiền cá nhân - ông Bùi Danh Biễn:

- Hợp đồng số 0501.2021/HĐVCN

+) Số tiền vay: 66.511.500.000 (Sáu mươi sáu tỷ năm trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

+) Thời hạn và phương thức cho vay: Kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2021 đến khi bên cho vay thông báo yêu cầu trả lại tiền.

+) Lãi suất: lãi suất 0,59%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay.

+) Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Sản xuất kinh doanh

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
 Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2020	56.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	7.327.321.390	76.425.821.390
Đi trong năm trước	-	-	-	906.064.647	906.064.647
Số dư tại 31/12/2020	56.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	8.233.386.037	77.331.886.037
Số dư tại 01/01/2021	56.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	8.233.386.037	77.331.886.037
Đi trong năm nay	80.000.000.000	-	-	-	80.000.000.000
Đi trong năm nay	-	-	-	963.698.334	963.698.334
Số dư tại 31/12/2021	136.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	9.197.084.371	158.295.584.371

Chi tiết Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Hoàng	2.649.670	26.496.700.000	2.649.670	26.496.700.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Hoàng	1.959.500	19.595.000.000	1.959.500	19.595.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Hoàng	1.079.630	10.796.300.000	1.079.630	10.796.300.000
Tổng	5.688.800	56.888.000.000	5.688.800	56.888.000.000
				100%

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghi, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	75.845.685.234	75.563.145.226
Doanh thu bán các thành phẩm	315.588.635.138	264.449.975.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.196.317.450	13.609.904.084
Doanh thu thuê máy	850.599.209	4.629.852.682
Doanh thu Vận chuyển	10.945.772.653	3.224.509.939
Doanh thu Xây lắp	347.031.120.428	381.707.263.101
Cộng	763.458.130.112	743.184.650.048

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	69.489.321.000	52.528.690.026
Giá vốn thành phẩm	309.516.489.815	273.649.884.447
Giá vốn dịch vụ, thuê máy, vận chuyển	10.584.562.100	6.737.386.869
Giá vốn Xây lắp	344.545.468.245	366.567.381.292
Cộng	734.135.841.160	699.483.342.634

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.416.518	14.381.014
	12.416.518	14.381.014

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	15.429.931.206	16.478.098.051
Cộng	15.429.931.206	16.478.098.051

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	1.277.886.447	4.822.071.120
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	5.472.536.500
Cộng	1.277.886.447	10.294.607.620

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.514.744.523	4.038.408.336
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.224.950	46.557.761
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.851.799.170	2.588.783.354
Thuế, Phí và lệ phí	70.551.933	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.965.059	5.656.614.712
Chi bằng tiền khác	1.876.917.816	1.084.433.884
Cộng	10.989.203.451	13.414.798.047

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản khác	447.481.187	182.040
Cộng	447.481.187	182.040

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Khoản trích khấu hao TSCĐ	-	475.799.998
Các khoản khác	81.255.399	1.440.828.755
Cộng	81.255.399	1.916.628.753

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập bởi Công ty Xây dựng và Thương mại Phương Hoàng



Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

Bùi Thanh An
Kế toán trưởng



Bùi Danh Biển
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỢNG HOÀNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỢNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Danh Biền Chủ tịch

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Danh Biền Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỢNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Danh Biễn

Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phương Hoàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 5446-2021-328-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN BÌNH AN

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Phạm Văn Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5242-2021-328-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		715.480.177.614	1.157.978.206.473
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.905.025.298	147.778.464.997
1. Tiền	111		31.905.025.298	147.778.464.997
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		493.519.005.088	758.195.913.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	270.474.872.170	475.466.889.054
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	132.842.566.063	84.640.833.220
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	90.201.566.855	198.088.191.210
IV/ Hàng tồn kho	140		162.180.369.172	147.544.250.893
1. Hàng tồn kho	141	V.5	162.180.369.172	147.544.250.893
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		27.875.778.056	104.459.577.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	16.968.136.345	14.406.180.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.806.552.075	89.822.195.561
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		101.089.636	231.201.088
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.756.962.630	398.483.104.915
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		158.663.560.172	139.898.494.162
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	158.663.560.172	139.898.494.162
- Nguyên giá	222		398.033.011.742	315.136.197.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.369.451.570)	(175.237.703.005)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		214.093.402.458	258.584.610.753
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	241	V.8	214.093.402.458	258.584.610.753
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.088.237.140.244	1.556.461.311.388

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		931.092.583.635	1.398.165.727.017
I/ Nợ ngắn hạn	310		671.297.936.799	1.148.781.336.859
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	207.635.730.604	169.434.795.947
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	93.592.891.106	246.740.252.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		890.896.341	74.885.138.316
4. Phải trả người lao động	314		1.200.782.122	2.312.743.239
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	308.973.983.598
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	367.977.636.626	346.434.422.988
III/ Nợ dài hạn	330		259.794.646.836	249.384.390.158
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		259.794.646.836	249.384.390.158
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.144.556.609	158.295.584.371
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.12	157.144.556.609	158.295.584.371
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		136.888.000.000	136.888.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.888.000.000	136.888.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		353.500.000	353.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	11.857.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.903.056.609	9.197.084.371
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.809.545.194	8.233.386.037
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.093.511.415	963.698.334
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.088.237.140.244	1.556.461.311.388

Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Bùi Thanh An
Kế toán trưởng

Bùi Danh Biễn
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	877.128.900.258	763.458.130.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		877.128.900.258	763.458.130.112
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	837.423.005.569	734.135.841.160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.705.894.689	29.322.288.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.042.217	12.416.518
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.556.568.000	15.429.931.206
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.556.568.000	15.429.931.206
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	1.502.645.789	1.277.886.447
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	13.314.442.137	10.989.203.451
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.348.280.980	1.637.684.366
11. Thu nhập khác	31	VI.6	120.364.521	447.481.187
12. Chi phí khác	32	VI.7	101.756.233	81.255.399
13. Lợi nhuận khác	40		18.608.288	366.225.788
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.366.889.268	2.003.910.154
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.273.377.854	1.040.211.820
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.093.511.415	963.698.334



Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2023



Bùi Thanh An
Kế toán trưởng



Bùi Danh Biền
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

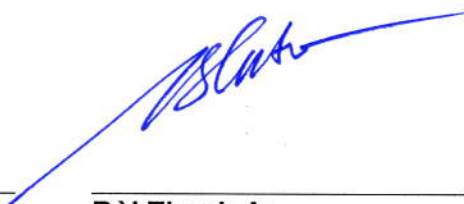
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu		Mã số	Năm 2022	Đơn vị tính: VND Năm 2021
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	869.554.121.446	875.297.867.552
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(752.763.152.489)	(701.568.496.584)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(32.644.623.396)	(28.351.624.000)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(18.986.233.246)	(15.429.931.206)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05	(1.856.987.536)	(1.288.995.350)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	92.345.637.233	74.891.775.142
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(335.496.260.730)	(204.744.390.372)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(179.847.498.718)	(1.193.794.818)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.798.313.062)	(744.520.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.798.313.062)	(744.520.000)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	281.337.860.474	286.511.490.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(201.565.488.393)	(280.103.032.071)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	79.772.372.081	6.408.457.929
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(115.873.439.699)	4.470.143.111
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	147.778.464.997	29.880.441.269
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.905.025.298	34.350.584.380



Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2023



Bùi Thanh An
Kế toán trưởng



Bùi Danh Biển
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phương Hoàng (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800342517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 10 năm 2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 04 ngày 26 tháng 10 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty 136.888.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu đồng) tương ứng 1.368.880 cổ phần.

Trụ sở Công ty tại Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Chuẩn bị mặt bằng
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: *Bán buôn máy móc, thiết bị máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn máy móc, thiết bị sản xuất bê tông*
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: *Bán buôn bê tông thương phẩm, gạch, ống, cống bê tông các loại*
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: *- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và dân cư; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; ...*
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Bốc xếp hàng hóa
Chi tiết: *Dịch vụ xếp, dỡ hàng hóa tại các địa điểm như kho hàng, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...*
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Chi tiết: *Vận tải hàng hóa bằng xe tải, xe container, xe rơ moóc, xe đầu kéo*
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
Chi tiết: *- Thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định pháp luật - Khai thác, quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại....*
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Xây dựng nhà để ở
- Cho thuê xe có động cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Chi tiết: Cho thuê xe ô tô con, xe tải, xe container, xe rơ moóc, xe đầu kéo
- Xây dựng nhà không để ở
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình điện
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản
- Xây dựng công trình công ích khác
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời, đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...
- Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết: Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tư vấn lập hồ sơ thống kê, kiểm kê đất đai; lập hồ sơ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; dịch vụ về thông tin đất đai; lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, ...
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán xăng, dầu, mỡ, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất ống, cống bê tông, gạch bê tông, gạch block, gạch siêu nhẹ, các loại cấu kiện bê tông, bê tông tươi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trong năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh liên kết hoặc đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Thiết bị và phương tiện vận tải	06 - 15
Dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai trong Công ty. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền bảo hiểm, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng các tài sản và các khoản giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	31.905.025.298	147.778.464.997
Cộng	31.905.025.298	147.778.464.997

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA đầu tư xây dựng cơ bản tp Hải Dương	169.406.649.901	-	-	-
Ban QLDA đầu tư xây dựng tp Hải Dương	47.034.743.037	-	32.617.552.039	-
Công ty TNHH MTV phát triển hạ tầng KCN Đại An	28.676.677.577	-	26.362.581.572	-
Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng VNT	24.459.959.200	-	9.474.968.200	-
Các đối tượng khác	896.842.455	-	407.011.787.243	-
Cộng	270.474.872.170	-	475.466.889.054	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tân Bình	19.964.566.581	-	19.964.566.581	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Thiên Long	3.881.200.000	-	3.881.200.000	-
Công ty TNHH TMDV SNC Việt Nam	3.529.015.740	-	3.529.015.740	-
Công ty TNHH Duy Anh Hưng Yên	3.024.690.999	-	3.518.358.999	-
Điện lực Gia Lộc	3.373.948.906	-	2.370.578.097	-
Công ty Cp Thương mại Văn Viên	1.785.954.195	-	1.785.954.195	-
Công ty TNHH Đức Tùng HD	1.550.000.000	-	1.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Tâm Anh Linh	1.374.824.818	-	1.374.824.818	-
Công ty TNHH thương mại Nam Giang	1.060.000.000	-	1.060.000.000	-
Các đối tượng khác	93.298.364.824	-	45.606.334.790	-
Cộng	132.842.566.063	-	84.640.833.220	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	11.602.135.450	-	11.602.135.450	-
Phải thu khác	78.599.431.405	-	186.486.055.760	-
TK 1388	78.599.431.405		186.486.055.760	
Cộng	90.201.566.855	-	198.088.191.210	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.897.172.902	-	50.897.172.902	-
Công cụ, dụng cụ	7.261.878.194	-	7.261.878.194	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	61.372.696.147	-	37.266.147	-
Thành phẩm	32.803.234.248	-	82.803.234.248	-
Hàng hoá	49.845.387.681	-	6.544.699.402	-
Cộng	162.180.369.172	-	147.544.250.893	-

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.558.320.938	7.558.320.938
Chi phí bảo hiểm vật chất xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự	4.012.638.913	1.450.683.018
Thuê hạ tầng KCN Hà Khánh - TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	5.397.176.494	5.397.176.494
Cộng	16.968.136.345	14.406.180.450

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Định Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	2.679.084.267	83.468.531.145	217.685.001.377	2.481.768.812	8.821.811.566	315.136.197.167
Mua trong năm		28.649.565.264	41.790.759.854	12.456.489.457	-	82.896.814.575
Số dư tại 31/12/2022	2.679.084.267	112.118.096.409	259.475.761.231	14.938.258.269	8.821.811.566	398.033.011.742
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2022	2.842.618.701	45.355.563.860	120.399.490.912	1.478.408.807	5.161.620.725	175.237.703.005
Khấu hao trong năm	856.421.563	9.718.909.920	26.396.543.945	561.450.120	26.598.423.017	64.131.748.565
Số dư tại 31/12/2022	3.699.040.264	55.074.473.780	146.796.034.857	2.039.858.927	31.760.043.742	239.369.451.570
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2022	(163.534.434)	38.112.967.285	97.285.510.465	1.003.360.005	3.660.190.841	139.898.494.162
Số dư tại 31/12/2022	(1.019.955.997)	57.043.622.629	112.679.726.374	12.898.399.342	(22.938.232.176)	158.663.560.172

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Xây dựng cơ bản	214.093.402.458	258.584.610.753
Chi phí xây dựng "Nhà máy sản xuất Vật liệu xây dựng" tại xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	214.093.402.458	258.584.610.753
Cộng	214.093.402.458	258.584.610.753

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại vận tải Giang Sơn	36.890.713.432	36.890.713.432	36.890.713.432	36.890.713.432
Công ty CP Xây dựng và Vận tải thương mại Hoàng Long PH	6.680.500.000	6.680.500.000	6.680.500.000	6.680.500.000
Công ty TNHH Xăng dầu và Hoá chất Thành	8.679.456.492	8.679.456.492	5.335.732.308	5.335.732.308
Công ty Cổ phần Vật tư Hải Dương	4.561.379.898	4.561.379.898	4.521.900.753	4.521.900.753
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Ngọc Kim Ngân	2.274.236.934	2.274.236.934	2.236.541.639	2.236.541.639
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tuấn	1.741.821.348	1.741.821.348	2.141.821.348	2.141.821.348
Công ty TNHH Lốp ô tô Duy Anh	1.314.223.200	1.314.223.200	2.309.849.000	2.309.849.000
Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.758.328.943	1.758.328.943	1.758.548.941	1.758.548.941
Công ty Cổ phần Sơn Thành	1.054.077.603	1.054.077.603	1.192.039.603	1.192.039.603
Các đối tượng khác	142.680.992.754	142.680.992.754	106.367.148.923	106.367.148.923
Cộng	207.635.730.604	207.635.730.604	169.434.795.947	169.434.795.947

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG

Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Sở giao thông tỉnh Bắc Ninh	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại G&T	9.700.159.357	9.700.159.357	10.963.958.778	10.963.958.778
Ban Giao thông Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	9.800.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
Ủy ban nhân dân xã Hồng Hưng	4.741.846.000	4.741.846.000	4.741.846.000	4.741.846.000
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Xây dựng và Thương mại Hoàng Gia Phát	3.773.831.366	3.773.831.366	3.968.231.366	3.968.231.366
Công ty Cổ phần Phát triển Đại Dương tại Hải Dương	5.164.629.092	5.164.629.092	5.164.629.092	5.164.629.092
Công ty TNHH sản xuất và thương mại thiết bị y tế Minh Tâm	4.921.009.016	4.921.009.016	4.921.009.016	4.921.009.016
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Thiên Long	3.601.634.000	3.601.634.000	3.860.834.000	3.860.834.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Mộc Đức	2.238.923.500	2.238.923.500	2.238.923.500	2.238.923.500
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18.3	1.499.999.625	1.499.999.625	1.167.144.125	1.167.144.125
Công ty CP giao thông, môi trường và đô thị Chí Linh	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP ô tô Việt Đông	1.138.600.000	1.138.600.000	1.138.600.000	1.138.600.000
Các đối tượng khác	27.512.259.150	27.512.259.150	179.275.076.894	179.275.076.894
Cộng	93.592.891.106	93.592.891.106	246.740.252.771	246.740.252.771

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/ DÀI HẠN

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay của Ngân hàng (i)	236.744.155.649	236.744.155.649	320.771.513.405	311.350.280.744	227.322.922.988	227.322.922.988
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Dương	115.731.864.733	115.731.864.733	157.929.000.000	133.874.129.896	91.676.994.629	91.676.994.629
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	39.423.625.941	39.423.625.941	69.800.000.000	59.675.000.000	29.298.625.941	29.298.625.941
Ngân hàng NN và Phát triển nông thôn-CN Thành phố Hải Dương	60.250.000.000	60.250.000.000	50.250.000.000	50.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	21.338.664.975	21.338.664.975	42.792.513.405	39.305.026.810	17.851.178.380	17.851.178.380
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	-	28.496.124.038	28.496.124.038	28.496.124.038
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Dương	11.527.465.000	-	243.335.000	11.770.800.000	-	-
Vay của đối tượng khác (ii)	119.706.015.977	119.706.015.977	118.206.715.453	20.562.166.646	22.061.467.170	22.061.467.170
Cộng	367.977.636.626	356.450.171.626	439.221.563.858	343.683.247.390	249.384.390.158	249.384.390.158

(i) Hợp đồng vay với các bên Ngân hàng:

- Hợp đồng vay số 58859.19.270.1170966.TD (Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Dương) ngày 30 tháng 12 năm 2019

+) Hạn mức tín dụng, lãi suất và thời hạn vay quy định trên từng khế ước nhận nợ: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất Khoản tín dụng trong hạn.

+) Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ lĩnh vực hoạt động thương mại vật liệu xây dựng (không bảo gồm gang, sắt, thép, inox, xi măng), sản xuất bê tông và thi công xây lắp công trình của Khách hàng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 31.12/CNHD9/2019-HĐCVHM/NHCT340-PHUONG HOANG (bên cho vay: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương ngày 14 tháng 01 năm 2020

+) Hạn mức tín dụng không quá 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn), lãi suất cho vay quy định trên Giấy nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 14 tháng 01 năm 2020 đến ngày 14 tháng 01 năm 2021.

+) Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công san lấp công trình và vận tải vật liệu xây dựng.

+) Tài sản đảm bảo:

1, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.11/CNHD9/2016/HĐTC/PHUONG HOANG – BIENTHAI ngày 02 tháng 11 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo ký giữa bên Cho vay- Bên nhận thế chấp và Ông Bùi Danh Biền cùng vợ là bà Bùi Thị Thái. Giá trị tài sản đảm bảo là 31.100.000.000 đồng, đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa là 21.700.000.000 đồng.

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHUƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.10/CNHD9/2016/HĐTC/PHUONGHOANG/OTO ngày 03 tháng 10 năm 2017 ký giữa Bên cho vay-Bên nhận thế chấp và Bên vay-Bên thế chấp. Giá trị tài sản đảm bảo là 450.000.000 đồng, đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa là 315.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3, Hợp đồng thế chấp tài sản số 16.08/CNHD9/2017/HĐTC/PHUONGHOANG/OTO ngày 18 tháng 08 năm 2017, giá trị tài sản đảm bảo là 400.000.000 đồng, đảm bảo cho mức cấp tín dụng tối đa là 280.000.000 đồng.

Hợp đồng vay số 2301-LAV-2021 (Bên cho vay: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-CN Thành phố Hải Dương) ngày 13 tháng 07 năm 2021

- +) Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng)
- +) Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng
- +) Tài sản đảm bảo:
- 1, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 190918/HĐTC ngày 19 tháng 09 năm 2019

2, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 1330037-02 ngày 03 tháng 10 năm 2013

3, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1630058-01 ngày 29 tháng 08 năm 2016

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 123/2020/HĐHM-PN/SHB.114000 (Bên cho vay: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn-Hà Nội-CN Hải Dương ngày 24 tháng 12 năm 2020

- +) Hạn mức tín dụng 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ đồng), thời hạn vay, lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ
- +) Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; và mục đích bảo lãnh Phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh tho đăng ký kinh doanh
- +) Tài sản đảm bảo:

- 1, Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ Khu Tây, P. Tứ Minh, TP. Hải Dương số CL 188760 ngày 24 tháng 11 năm 2017
 - 2, Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Khu đô thị phía Tây, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương số C1 140666 ngày 05 tháng 04 năm 2017.
 - 3, Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: số 37 P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương số AĐ 925128 ngày 31 tháng 03 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng số 660.719/2017/HĐTN-DN/PGBankHD (Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex-CN Hải Dương) ngày 20 tháng 11 năm 2017
- +) Số tiền cho vay 4.795.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng), Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm
 - +) Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định
 - +) Tài sản đảm bảo:
 - 1, Xe bom bê tông nhãn hiệu HYUNDAI HD 260 biển số 34C-194.76 hình thành từ vốn vay
 - 2, Máy xúc lật bánh lốp hình thành từ vốn vay

(ii) Hợp đồng vay mượn tiền cá nhân - ông Bùi Danh Biễn:

- Hợp đồng số 0501.2021/HEVCN

+) Số tiền vay: 66.511.500.000 (Sáu mươi sáu tỷ năm trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

+) Thời hạn và phương thức cho vay: Kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2021 đến khi bên cho vay thông báo yêu cầu trả lại tiền.

+) Lãi suất: lãi suất 0,59%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay.

+) Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Sản xuất kinh doanh

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2021	56.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	8.223.386.037	77.321.886.037
Tăng vốn trong năm trước	80.000.000.000	-	-	-	80.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	973.698.334	973.698.334
Số dư tại 31/12/2021	136.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	9.197.084.371	158.295.584.371
Số dư tại 01/01/2022	136.888.000.000	353.500.000	11.857.000.000	9.197.084.371	158.295.584.371
Giảm trong năm nay	-	-	(11.857.000.000)	-	(11.857.000.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.093.511.415	5.093.511.415
Tăng khác	-	-	-	5.612.460.823	5.612.460.823
Số dư tại 31/12/2022	136.888.000.000	353.500.000	-	19.903.056.609	157.144.556.609

b) Chi tiết Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHUƠNG HOÀNG
Số nhà 26, phố Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2022		01/01/2022			
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Bùi Danh Biền	6.375.830	63.758.300.000	46,58%	6.375.830	63.758.300.000	46,58%
Ông Bùi Danh Biền	4.715.100	47.151.000.000	34,44%	4.715.100	47.151.000.000	34,44%
Ông Bùi Danh Biền	2.597.870	25.978.700.000	18,98%	2.597.870	25.978.700.000	18,98%
Cộng	13.688.800	136.888.000.000	100%	13.688.800	136.888.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Doanh thu bán hàng hóa	75.845.685.234	75.845.685.234
Doanh thu bán các thành phẩm	315.588.635.138	315.588.635.138
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.196.317.450	13.196.317.450
Doanh thu thuê máy	850.599.209	850.599.209
Doanh thu Vận chuyển	10.945.772.653	10.945.772.653
Doanh thu Xây lắp	460.701.890.574	347.031.120.428
Cộng	877.128.900.258	763.458.130.112

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	69.489.321.000	69.489.321.000
Giá vốn thành phẩm	309.516.489.815	309.516.489.815
Giá vốn dịch vụ, thuê máy, vận chuyển	10.584.562.100	10.584.562.100
Giá vốn Xây lắp	447.832.632.654	344.545.468.245
Cộng	837.423.005.569	734.135.841.160

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.042.217	12.416.518
	16.042.217	12.416.518

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Lãi tiền vay	18.556.568.000	15.429.931.206
Cộng	18.556.568.000	15.429.931.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*
CHI PHÍ TÀI CHÍNH**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	1.502.645.789	1.277.886.447
Cộng	1.502.645.789	1.277.886.447

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.514.744.523	3.514.744.523
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.224.950	154.224.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.851.799.170	4.851.799.170
Thuế, Phí và lệ phí	70.551.933	70.551.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.965.059	520.965.059
Chi bằng tiền khác	4.202.156.502	1.876.917.816
Cộng	13.314.442.137	10.989.203.451

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản khác	120.364.521	447.481.187
Cộng	120.364.521	447.481.187

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản khác	101.756.233	81.255.399
Cộng	101.756.233	81.255.399

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.366.889.268	2.003.910.154
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	-	3.197.148.946
Các khoản điều chỉnh tăng	-	3.197.148.946
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	6.366.889.268	5.201.059.100
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.273.377.854	1.040.211.820

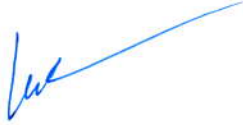
VII. THÔNG TIN KHÁC

1. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An.


Đinh Thị Thùy Linh
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2023


Bùi Thanh An
Kế toán trưởng


Bùi Danh Biền
Giám đốc

